

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	GT	Ngoại ngữ	CC	KCC	ĐTC	Nơi quản lý	Ghi chú
1	TB3.00103	Vàng A Chua	16/08/77		100.	8.50	7.00	15.50	Huyện ủy huyện Điện Biên Đông	Điện UT.
2	TB3.00104	Nguyễn Văn Duy	25/11/73		100.	8.50	7.25	15.75	Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên	Điện UT.
3	TB3.00105	Trương Thế Dũng	04/01/79		100.	8.50	6.50	15.00	Huyện ủy Điện Biên Đông	Điện UT.
4	TB3.00106	Nguyễn Tiến Đỗ	14/12/91		100.	9.25	7.50	16.75	Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Nhé	Điện UT.
5	TB3.00107	Nguyễn Thanh Giang	09/10/73		98.	8.50	7.00	15.50	Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông	Điện UT.
6	TB3.00108	Nguyễn Mạnh Hà	21/10/87		98.	7.50	7.00	14.50	Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên	
7	TB3.00109	Trần Thị Hậu	03/07/91	Nữ	100.	7.50	7.50	15.00	Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên	Điện UT.
8	TB3.00110	Phạm Thị Thu Hằng	21/12/75	Nữ	96.	8.25	7.25	15.50	Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên	
9	TB3.00113	Lê Khánh Hòa	05/12/74		98.	8.00	6.50	14.50	Tỉnh ủy Điện Biên	
10	TB3.00114	Nguyễn Thị Hòa	15/06/76	Nữ	100.	8.00	7.25	15.25	Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên	Điện UT.
11	TB3.00116	Nguyễn Thị Thương Huyền	12/10/87	Nữ	100.	7.50	7.00	14.50	Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên	Điện UT.
12	TB3.00117	Dương Mạnh Hùng	15/06/69		97.	6.50	7.50	14.00	Công an tỉnh Điện Biên	
13	TB3.00118	Lê Anh Hưng	06/05/83		100.	8.50	6.50	15.00	Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên	Điện UT.
14	TB3.00119	Nguyễn Thị Minh Hương	14/05/83	Nữ	93.	8.00	5.75	13.75	Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên	
15	TB3.00120	Vì Thị Hương	23/01/83	Nữ	96.	9.00	6.00	15.00	Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên	Điện UT.
16	TB3.00123	Bùi Ngọc La	01/10/64		100.	8.50	7.00	15.50	Huyện ủy huyện Điện Biên Đông	Điện UT.
17	TB3.00124	Lê Thị Thúy Lan	03/09/80	Nữ	95.	7.50	7.50	15.00	Báo Điện Biên Phủ	
18	TB3.00125	Nguyễn Xuân Lâm	28/11/73		99.	6.00	7.75	13.75	Công an tỉnh Điện Biên	
19	TB3.00126	Vũ Thị Kim Ngọc	20/11/72	Nữ	99.	8.00	8.00	16.00	Cảng hàng không Điện Biên	
20	TB3.00128	Thiều Tất Phúc	19/11/71		100.	8.00	6.00	14.00	Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên	Điện UT.
21	TB3.00129	Bùi Văn Phục	10/06/68		100.	8.00	5.50	13.50	Hội chữ thập đỏ tỉnh Điện Biên	Điện UT.
22	TB3.00131	Vũ Thị Phương	13/01/82	Nữ	100.	8.00	5.50	13.50	Trường Cao đẳng y tế Điện Biên	Điện UT.
23	TB3.00132	Lò Thị Minh Phượng	16/10/72	Nữ	97.	7.50	7.00	14.50	Thị ủy Mường Lay	
24	TB3.00133	Lê Hồng Quang	18/10/77		100.	8.50	6.75	15.25	Tòa nhà nhân dân tỉnh Điện Biên	Điện UT.
25	TB3.00134	Phạm Đình Quế	24/07/68		100.	9.00	7.00	16.00	Hội đồng nhân dân huyện Nậm Pồ	Điện UT.
26	TB3.00135	Đào Thị Thúy Thành	13/07/78	Nữ	99.	6.50	7.50	14.00	Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên	

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	GT	Ngoại ngữ	CC	KCC	ĐTC	Nơi quản lý	Ghi chú
27	TB3. 00137	Bùi Trọng Thắng	02/06/90		100.	9.00	8.00	17.00	Viện Kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên	Điện UT.
28	TB3. 00138	Bùi Minh Thắng	23/03/70		98.	8.00	5.00	13.00	Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông	.
29	TB3. 00140	Đỗ Thị Thu Thủy	15/01/78	Nữ	98.	7.50	5.00	12.50	Ban dân vận tỉnh ủy tỉnh Điện Biên	.
30	TB3. 00141	Đỗ Xuân Toán	27/02/75		100.	9.00	6.50	15.50	Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên	Điện UT.
31	TB3. 00142	Cao Xuân Tuấn	15/10/82		93.	7.50	6.50	14.00	Tòa án nhân dân thành phố tỉnh Điện Biên	.
32	TB3. 00143	Cao Xuân Tường	02/11/78		97.	7.50	5.25	12.75	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành	.

CỘNG TRƯỞNG TB3 - ĐIỆN BIÊN : 32 THÍ SINH

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

KHOA SAU ĐẠI HỌC

PHÒNG THANH TRA ĐÀO TẠO

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
HIỆU TRƯỞNG

Phạm Văn Khôi

Nguyễn Văn Tuấn
Trình Thị Thu Hương



STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	GT	Ngoại ngữ	CC	KCC	ĐTC	Nơi quản lý	Ghi chú
1	TB3.00001	Triệu Tuấn	Bình	24/05/88		98 .	8.00	7.00	15.00	Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn	Diện UT.
2	TB3.00002	Đinh Đức	Chính	30/09/77		100.	9.00	8.00	17.00	Sở tư pháp tỉnh Lạng Sơn	Diện UT.
3	TB3.00003	Nguyễn Công	Chung	24/02/80		100.	8.00	7.00	15.00	Tòa án tỉnh Lạng Sơn	Diện UT.
4	TB3.00004	Ngô Vi	Cường	02/09/79		100.	9.00	8.00	17.00	Công an thành phố Lạng Sơn	Diện UT.
5	TB3.00005	Vi Ngọc	Diệp	01/02/85		98 .	9.00	7.50	16.50	Sở Tư pháp tỉnh Sơn La	Diện UT.
6	TB3.00006	Hoàng Văn	Duy	24/12/82		96 .	9.00	6.00	15.00	Tòa án thành phố tỉnh Lạng Sơn	Diện UT.
7	TB3.00007	Trịnh Tiến	Duy	11/08/80		97 .	7.00	8.00	15.00	Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn	
8	TB3.00008	Hoàng Hải	Đoàn	24/02/79		98 .	8.00	7.50	15.50	Tòa án tỉnh Lạng Sơn	Diện UT.
9	TB3.00009	Vũ Tiến	Đức	14/04/77		100.	9.00	8.00	17.00	Công an tỉnh Lạng Sơn	Diện UT.
10	TB3.00010	Trần Lệnh	Hà	17/12/81	Nữ	99 .	9.25	7.00	16.25	Viện kiểm sát tỉnh Lạng Sơn	Diện UT.
11	TB3.00011	Hoàng Thị	Hải	25/05/80	Nữ	96 .	7.50	7.00	14.50	Chi cục hải quan ga đường sắt quốc tế Đồng	
12	TB3.00012	Đinh Kim	Hạnh	19/08/88	Nữ	87 .	7.00	8.00	15.00	Thanh tra Sở xây dựng tỉnh Sơn La	
13	TB3.00013	Hoàng Thị	Hạnh	18/11/88	Nữ	100.	8.50	7.00	15.50	Tòa án tỉnh Lạng Sơn	Diện UT.
14	TB3.00014	Nguyễn Thị	Hằng	04/12/88	Nữ	100.	9.25	7.00	16.25	Tòa án tỉnh Lạng Sơn	Diện UT.
15	TB3.00015	Dương Thị	Hiệt	05/10/88	Nữ	100.	8.75	8.00	16.75	Tòa án tỉnh Lạng Sơn	Diện UT.
16	TB3.00016	Hoàng Trọng	Hình	31/05/83		98 .	7.25	7.00	14.25	Viện kiểm sát tỉnh Lạng Sơn	Diện UT.
17	TB3.00017	Nguyễn Minh	Huyền	12/10/85	Nữ	100.	9.00	8.00	17.00	Tòa án tỉnh Lạng Sơn	Diện UT.
18	TB3.00018	Phan Thị Thanh	Huyền	26/08/83	Nữ	98 .	8.75	7.50	16.25	Tòa án tỉnh Lạng Sơn	Diện UT.
19	TB3.00019	Nông Quang	Hưng	30/06/77		99 .	8.00	7.00	15.00	Viện kiểm sát tỉnh Lạng Sơn	Diện UT.
20	TB3.00020	Lăng Thị	Hương	08/08/79	Nữ	91 .	8.50	8.00	16.50	Viện kiểm sát tỉnh Lạng Sơn	Diện UT.
21	TB3.00021	Tô Thị Thanh	Hương	03/11/78	Nữ	100.	8.00	8.00	16.00	Thanh Tra tỉnh Lạng Sơn	Diện UT.
22	TB3.00022	Hoàng Thị Thu	Hường	04/02/82	Nữ	100.	9.00	7.50	16.50	Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn	Diện UT.
23	TB3.00023	Nguyễn Thị	Hường	04/08/80	Nữ	92 .	7.00	6.50	13.50	Thành ủy Lạng Sơn	
24	TB3.00024	Chu Long	Kiểm	21/03/70		100.	9.00	7.50	16.50	Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn	Diện UT.
25	TB3.00025	Hoàng Thị	Lan	19/09/89	Nữ	100.	9.50	7.50	17.00	Tòa án tỉnh Lạng Sơn	Diện UT.
26	TB3.00026	Nguyễn Thị Thùy	Linh	14/08/85	Nữ	100.	9.00	7.50	16.50	Tòa án tỉnh Lạng Sơn	Diện UT.

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	GT	Ngoại ngữ	CC	KCC	ĐTC	Nơi quản lý	Ghi chú
27	TB3.00027	Nông Tuyết	Mai	08/04/79	Nữ	100.	8.25	7.00	15.25	Viện kiểm sát tỉnh Lạng Sơn	Diện UT.
28	TB3.00028	Nguyễn Hà	Mi	21/06/89	Nữ	96.	7.00	8.00	15.00	Tòa án tỉnh Lạng Sơn	
29	TB3.00029	Hoàng Thị	Nga	02/09/76	Nữ	100.	6.50	6.50	13.00	Viện kiểm sát tỉnh Lạng Sơn	Diện UT.
30	TB3.00030	Nông Thị	Nga	19/07/81	Nữ	100.	8.50	7.50	16.00	Viện Kiểm sát tỉnh Lạng Sơn	Diện UT.
31	TB3.00031	Hoàng Thị	Ngân	30/09/88	Nữ	100.	6.50	7.00	13.50	Viện kiểm sát tỉnh Lạng Sơn	Diện UT.
32	TB3.00032	Hứa Văn	Nghiep	16/05/87		100.	8.00	7.50	15.50	Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn	Diện UT.
33	TB3.00033	Ngô Thảo	Nguyên	19/04/88	Nữ	100.	8.50	8.00	16.50	Tòa án tỉnh Lạng Sơn	Diện UT.
34	TB3.00034	Hoàng Thị Tuyết	Nhung	08/07/78	Nữ	100.	9.00	8.00	17.00	Công an tỉnh Lạng Sơn	Diện UT.
35	TB3.00035	Nguyễn Lan	Phương	20/09/82	Nữ	97.	8.00	8.00	16.00	Viện kiểm sát tỉnh Lạng Sơn	Diện UT.
36	TB3.00036	Nguyễn Thị Hoàng	Quế	06/11/83	Nữ	86.	8.00	7.50	15.50	Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn	Diện UT.
37	TB3.00037	Lương Thị Mai	Quỳnh	26/10/81	Nữ	95.	8.50	8.00	16.50	Viện kiểm sát tỉnh Lạng Sơn	Diện UT.
38	TB3.00038	Hứa Thái	Son	10/11/75		100.	9.00	8.00	17.00	Công an tỉnh Lạng Sơn	Diện UT.
39	TB3.00039	Hoàng Thị	Thanh	28/04/81	Nữ	100.	7.75	7.50	15.25	Tòa án tỉnh Lạng Sơn	Diện UT.
40	TB3.00040	Vi Quang	Thanh	20/02/76		100.	8.00	8.00	16.00	Công an tỉnh Lạng Sơn	Diện UT.
41	TB3.00042	Trần Thị Hoàng	Thái	14/07/87	Nữ	100.	8.00	7.50	15.50	Viện kiểm sát tỉnh Lạng Sơn	Diện UT.
42	TB3.00043	Nông Đàm	Thành	20/11/91		92.	8.00	7.50	15.50	Văn phòng Luật sư Hồng Sơn	
43	TB3.00044	Hà Phương	Thảo	26/05/78	Nữ	100.	9.00	8.00	17.00	Công an tỉnh Lạng Sơn	Diện UT.
44	TB3.00045	Lành Đức	Thảo	11/02/82		100.	8.00	7.00	15.00	Viện kiểm sát tỉnh Lạng Sơn	Diện UT.
45	TB3.00046	Hoàng Văn	Thân	06/10/76		100.	9.00	8.00	17.00	Công an tỉnh Lạng Sơn	Diện UT.
46	TB3.00047	Hoàng Kim	Thêu	20/05/89	Nữ	100.	9.50	8.00	17.50	Tòa án nhân dân tỉnh sơn la	Diện UT.
47	TB3.00048	Nguyễn Thị Minh	Thùy	16/02/77	Nữ	100.	8.00	7.50	15.50	Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn	Diện UT.
48	TB3.00049	Phùng Thanh	Tiệm	28/02/89		100.	9.00	8.00	17.00	Công an tỉnh Lạng Sơn	Diện UT.
49	TB3.00050	Nông Thị Huyền	Trang	16/12/87	Nữ	100.	7.25	6.00	13.25	Tòa án tỉnh Lạng Sơn	Diện UT.
50	TB3.00051	Trần Thị Thu	Trang	08/08/78	Nữ	100.	9.00	8.00	17.00	Công an tỉnh Lạng Sơn	Diện UT.
51	TB3.00052	Nguyễn Thị Thu	Trà	21/12/88	Nữ	100.	9.00	7.50	16.50	Tòa án tỉnh Lạng Sơn	Diện UT.
52	TB3.00053	Lã Xuân	Trường	09/09/77			7.50	7.50	15.00	Sở Giao thông vận tải tỉnh Lạng Sơn	Miễn NN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
HÀ NỘI

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	GT	Ngoại ngữ	CC	KCC	ĐTC	Nơi quản lý	Ghi chú
53	TB3.00054	Nguyễn Minh Tuấn	17/05/66		100.	9.00	8.00	17.00	Công an tỉnh Lạng Sơn	Điện UT.
54	TB3.00055	Hoàng Thị Minh Tuệ	16/03/77	Nữ	100.	8.50	7.50	16.00	Viện Kiểm sát ND tỉnh Lạng Sơn	Điện UT.
55	TB3.00056	Dương Mai Tùng	30/08/86		.	8.00	7.00	15.00	Cục thuế tỉnh Lạng Sơn	Điện UT. Miễn NN
56	TB3.00145	Nguyễn Hữu Thăng	02/02/69		100.	9.00	8.00	17.00	Công an tỉnh Lạng Sơn	Điện UT.

CỘNG TRƯỞNG TB3 - LẠNG SƠN : 56 THÍ SINH

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

KHOA SAU ĐẠI HỌC

PHÒNG THANH TRA ĐÀO TẠO

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Văn Kh.

Nguyễn Văn Tuyên
Trần T. Thanh Kường

Trần T. Thanh Kường

TS. Lê Tiên Châu

LUẬT

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	GT	Ngoại ngữ	CC	KCC	ĐTC	Nơi quản lý	Ghi chú
1	TB3. 00057	Bùi Tiến	Bình	23/10/70		100.	7.00	5.50	12.50	VKSND tỉnh Sơn La	Diện UT.
2	TB3. 00058	Nguyễn Trọng	Bình	08/04/67		100.	6.00	5.50	11.50	Công an tỉnh Sơn La	Diện UT.
3	TB3. 00059	Lương Tiến	Chung	05/01/71		100.	4.50	7.00	11.50	Viện Kiểm sát huyện Vân Hồ - Sơn La	Diện UT.
4	TB3. 00060	Lê Anh	Cương	09/05/89		99 .	6.25	8.00	14.25	Viện Kiểm sát tỉnh Sơn La	
5	TB3. 00061	Nguyễn Tiến	Cương	01/09/82		100.	7.00	5.50	12.50	Ban Thường vụ tỉnh đoàn tỉnh Sơn La	Diện UT.
6	TB3. 00062	Bùi Mạnh	Cường	11/08/78		100.	6.00	5.50	11.50	Công An tỉnh Sơn La	Diện UT.
7	TB3. 00063	Hà Bích	Diệp	07/05/85	Nữ	97 .	5.25	6.50	11.75	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La	
8	TB3. 00064	Nguyễn Trường	Doanh	13/11/72		100.	7.50	6.50	14.00	Công an tỉnh Sơn La	Diện UT.
9	TB3. 00065	Phạm Văn	Đạo	28/07/71		100.	7.50	6.50	14.00	Công an tỉnh Sơn La	Diện UT.
10	TB3. 00069	Nguyễn Anh	Đức	24/03/78		100.	6.00	7.50	13.50	Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu	Diện UT.
11	TB3. 00071	Mê Thị	Hà	08/09/74	Nữ	100.	6.00	7.50	13.50	Huyện ủy Yên Châu - Sơn La	Diện UT.
12	TB3. 00072	Nguyễn Xuân	Hà	12/10/70		100.	6.25	7.00	13.25	Công an tỉnh Sơn La	Diện UT.
13	TB3. 00073	Nguyễn Mạnh	Hà	23/05/73		97 .	7.00	7.00	14.00	Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Sơn La	
14	TB3. 00074	Nguyễn Minh	Hải	18/03/72		100.	6.00	6.00	12.00	Tòa án tỉnh Sơn La	Diện UT.
15	TB3. 00076	Quách Thúy	Hàng	25/03/90	Nữ	90 .	8.00	8.00	16.00	Trường trung cấp Luật Tây Bắc	
16	TB3. 00077	Cầm Thị Thanh	Huyền	23/03/87	Nữ	100.	7.75	6.50	14.25	Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Nhai	Diện UT.
17	TB3. 00078	Cầm Việt	Hùng	24/08/93		100.	6.50	7.00	13.50		Diện UT.
18	TB3. 00079	Trần Mạnh	Hùng	18/01/80		100.	9.50	6.00	15.50	Viện Kiểm sát huyện Sông Mã tỉnh Sơn La	Diện UT.
19	TB3. 00080	Nguyễn Thị Lan	Hương	08/11/83	Nữ	100.	7.00	8.00	15.00	Viện kiểm sát huyện Mai Sơn - Sơn La	Diện UT.
20	TB3. 00081	Lê Hà Quốc	Khánh	03/09/92		95 .	7.00	7.00	14.00		
21	TB3. 00082	Đào Việt	Long	11/06/93		75 .	6.50	6.00	12.50		
22	TB3. 00084	Cà Bình	Minh	23/08/93	Nữ	100.	7.00	7.00	14.00		Diện UT.*
23	TB3. 00085	Lê Trung	Nghĩa	09/03/74		100.	8.00	7.00	15.00	Công an tỉnh Sơn La	Diện UT.
24	TB3. 00086	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	30/11/92	Nữ	93 .	8.00	7.00	15.00	Trường Trung cấp Luật Tây Bắc	
25	TB3. 00087	Bùi Lan	Oanh	22/04/76	Nữ	100.	8.50	7.50	16.00	Viện Kiểm sát tỉnh Sơn La	Diện UT.
26	TB3. 00088	Lê Thu	Phương	10/10/88	Nữ	100.	7.50	7.50	15.00	Tòa án tỉnh Sơn La	Diện UT.

reut 12

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	GT	Ngoại ngữ	CC	KCC	ĐTC	Nơi quản lý	Ghi chú
27	TB3. 00089	Lò Thị Phương	02/03/84	Nữ	100.	6.00	6.50	12.50	Sở Tư pháp tỉnh Sơn La	Diện UT.
28	TB3. 00090	Phạm Thái Phương	27/09/77		100.	7.00	7.00	14.00	Công an tỉnh Sơn La	
29	TB3. 00091	Tông Mai Phương	14/06/84	Nữ	100.	8.00	7.50	15.50	Cục thi hành hán dân sự thành phố Sơn La, tỉnh	Diện UT.
30	TB3. 00092	Phạm Hồng Quyết	13/03/74		100.	7.50	7.00	14.50	Ủy ban nhân dân Thành phố Sơn La	Diện UT.
31	TB3. 00093	Nguyễn Cao Sơn	23/11/78		100.	7.50	6.50	14.00	Công an tỉnh Sơn La	Diện UT.
32	TB3. 00094	Phạm Văn Thành	16/11/75		98 .	7.00	7.00	14.00	Công an huyện Quỳnh Nhai tỉnh Sơn La	
33	TB3. 00096	Đinh Thị Phương Thúy	30/09/88	Nữ	100.	8.50	8.00	16.50	Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn tỉnh Sơn La	Diện UT.
34	TB3. 00097	Tổng Thị Huyền Trang	10/10/93	Nữ	100.	7.00	6.50	13.50	Trường Đại học Tây Bắc	
35	TB3. 00098	Nguyễn Hoàng Bảo Tuấn	12/07/93		91 .	6.00	7.00	13.00		
36	TB3. 00099	Đinh Thị Kim Tuyến	01/04/75	Nữ	90 .	8.50	7.50	16.00	Ban Tuyên giáo huyện ủy huyện Bắc Sơn	
37	TB3. 00100	Trần Thị Hồng Vân	12/07/91	Nữ	100.	8.50	7.00	15.50	Tòa án huyện Mai Sơn tỉnh Sơn La	Diện UT.
38	TB3. 00101	Nguyễn Tiến Việt	04/04/73		100.	9.00	6.50	15.50	Sở Tư pháp tỉnh Sơn La	Diện UT.
39	TB3. 00102	Trần Cảnh Vinh	09/05/84		100.	8.50	6.00	14.50	Công an tỉnh Sơn La	Diện UT.

CỘNG TRƯỞNG TB3 - SƠN LA : 39 THÍ SINH

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

KHOA SAU ĐẠI HỌC

PHÒNG THANH TRA ĐÀO TẠO

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
HIỆU TRƯỞNG

Phạm Văn Hải

Nguyễn Văn Tuyến

Trần Thị Huyền Trang



TS. Lê Tiên Châu